TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2025/QĐST-DS	*Hưng Yên, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 240/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn:

- Công ty cổ phần M2 (Công ty M2)

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B, phố T, phường Y, thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ; ông Võ Ngọc D – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ; ông Nguyễn Phúc T1 – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Auto.

- Người đại diện được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành D1 – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Đặng Thế P – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

- Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ trụ sở: Số H, đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D2 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G – Chức vụ: Trưởng phòng KHDN MB3 – Trung tâm thu hồi nợ KHDN và XLN pháp lý.

- Người đại diện được ủy quyền lại: Ông Vũ Hoàng A – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

+ Bị đơn: Ông Đào Văn M1, sinh năm 1966 và **bà Trần Thị N**, sinh năm 1967; Đều có nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về số tiền nợ: Bà Trần Thị N và ông Đào Văn M1 thừa nhận tính đến ngày 02/12/2025 ông bà còn nợ V1 và Công ty M2:

Nợ gốc: 427.137.977 đồng

Nợ lãi: 104.049.261đồng

Nợ thẻ tín dụng: 22.471.441 đồng

Tổng số tiền còn nợ: 553.658.679 (Năm trăm năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi chín) đồng

Trong đó:

- Bà N và ông M1 có nghĩa vụ trả cho Công ty M2 95% khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2308250098234 ngày 11/09/2023:

Nợ gốc: 405.781.078 đồng

Nợ lãi: 98.846.798 đồng

Bà N và ông M1 có nghĩa vụ trả cho Công ty M2 100% khoản nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 379-P-7799880 ngày 12/10/2023: 22.471.442 đồng

Tổng số tiền còn nợ: 527.099.317 (Năm trăm hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi chín nghìn ba trăm mười bảy) đồng

- Bà N và ông M1 có nghĩa vụ trả cho V1 5% khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2308250098234 ngày 11/09/2023:

Nợ gốc: 21.356.899 đồng

Nợ lãi: 5.202.463 đồng

Tổng số tiền còn nợ: 26.559.362 (Hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi hai) đồng

- Các đương sự thống nhất phương án trả nợ như sau:

+ Chậm nhất vào ngày 27/12/2025, bà Trần Thị N và ông Đào Văn M1 phải trả cho V1 và Công ty M2 tổng số tiền nợ tính đến ngày 02/12/2025 là 553.658.679 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 03/12/2025 đến ngày trả hết toàn bộ số nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN2308250098234 ngày 11/09/2023 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 379-P-7799880 ngày 12/10/2023.

+ Trường hợp đến hết ngày 27/12/2025, bà N và ông M1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 và Công ty M2 thì V1 và Công ty M2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 xe ô

tô nhãn hiệu MG 5, số khung MMLA36U67NG039816, số máy 15S4C5QTNB100019 theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS 17A-405.17 do Phòng C Công an tỉnh T cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà N và ông M1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2308250098234 ký ngày 11/9/2023 giữa V1 với bà Trần Thị N và ông Đào Văn M1. Trong trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản bảo đảm trên mà không đủ để thanh toán toàn bộ dư nợ thì bà N và ông M1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

+ Về án phí: Bà Trần Thị N và ông Đào Văn M1 tự nguyện nộp 13.073.000 đồng (Mười ba triệu không trăm bảy mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

V2, Công ty M2 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại V2 số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003291 ngày 14 tháng 11 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên. Trả lại Công ty M2 số tiền 5.700.000 (Năm triệu bảy trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003290 ngày 14 tháng 11 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Nguyệt